

Số: 651/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan
từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh qua
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Tờ trình số 528/TTr-NHCS ngày 21/4/2022; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1065/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 12/5/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2342/STC-NS ngày 18/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, như sau:

1. Khoanh nợ 145.677.399 đồng, trong đó: Nợ gốc 130.000.000 đồng và nợ lãi 15.677.399 đồng.

- Đối tượng, thời gian được khoanh nợ của món vay theo Phụ lục 1 đính kèm.

- Thời điểm bắt đầu khoanh nợ kể từ ngày có Quyết định khoanh nợ.

2. Xóa nợ (nợ gốc) 65.000.000 đồng, đối tượng và món nợ theo Phụ lục 2 đính kèm.

- Nguồn kinh phí thực hiện xóa nợ (nợ gốc) được tính từ Quỹ dự phòng rủi ro đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập.

Điều 2. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện việc xử lý nợ bị rủi ro tại Điều 1 Quyết định này theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tịnh, Mộ Đức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KTTH), CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTHp287.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

DANH SÁCH KHOANH NỢ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY VỐN BỊ RỦI RO DO NGUYỄN NHÂN KHÁCH QUẢN NĂM 2022

Phụ lục 1

(Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chương trình; Huyện, thị xã; Họ và tên | Địa chỉ (Xã, phường) | Mã môn vay | Ngày bị rủi ro | Mức độ thiệt hại (%) | Số nợ được khoanh | | | Thời gian khoanh nợ (tháng) |
|------------------|--|----------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|--------------------|--------------------|-------------------|-----------------------------------|
| | | | | | | Số tiền | Trong đó | | |
| | | | | | | | Gốc | Lãi | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| A | Khoanh nợ tối đa 3 năm | | | | | 100.227.836 | 100.000.000 | 227.836 | |
| 1 | Khoanh nợ lần 1 | | | | | 100.227.836 | 100.000.000 | 227.836 | |
| 1 | Cho vay giải quyết việc làm | | | | | 100.227.836 | 100.000.000 | 227.836 | |
| | Son Tinh | | | | | 100.227.836 | 100.000.000 | 227.836 | |
| 1 | Nguyễn Tấn Thanh | Tỉnh Giang | 6600000717123959 | 21/11/2021 | 46 | 50.141.041 | 50.000.000 | 141.041 | 36 |
| 2 | Nguyễn Thế Hanh | Tỉnh Hiệp | 66000000720407255 | 03/02/2022 | 62 | 50.086.795 | 50.000.000 | 86.795 | 36 |
| A | Khoanh nợ tối đa 5 năm | | | | | | | | |
| 1 | Khoanh nợ lần 1 | | | | | | | | |
| 1 | Cho vay hộ nghèo | | | | | | | | |
| | Mô Đức | | | | | 45.449.563 | 30.000.000 | 15.449.563 | |
| 1 | Nguyễn Trường Vang | Đức Phú | 66000000702662794 | 01/01/2019 | 100 | 45.449.563 | 30.000.000 | 15.449.563 | 60 |
| Tổng cộng | | | | | | 145.677.399 | 130.000.000 | 15.677.399 | |



DANH SÁCH XÓA NỢ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY VỐN BỊ RỦI RO DO NGUYỄN NHÂN KHÁCH QUAN NĂM 2022

Phụ lục 2

(Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chương trình; Huyện, thị xã; Họ và tên | Địa chỉ (Xã, phường) | Mã môn vay | Ngày vay | Số tiền | Số nợ được xóa | | | Ghi chú |
|------------------|--|----------------------------|------------------|------------|-------------------|-------------------|----------|----------------|---------|
| | | | | | | Gốc | Trong đó | Lãi | |
| 1 | Cho vay hộ nghèo | | | | 25.144.657 | 25.000.000 | | 144.657 | |
| 1 | Sơn Hà | | | | | | | | |
| 1 | Đình Thị Ảnh | Sơn Hà | 6600000721335418 | 30/9/2021 | 25.144.657 | 25.000.000 | | 144.657 | |
| II | Cho vay giải quyết việc làm | | | | 40.801.402 | 40.000.000 | | 801.402 | |
| 1 | Sơn Tĩnh | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Công Chi | Tĩnh Minh | 6600000711619382 | 14/12/2017 | 40.801.402 | 40.000.000 | | 801.402 | |
| Tổng cộng | | | | | 65.946.059 | 65.000.000 | | 946.059 | |